

Bản án số: 213/2024/DS-ST
Ngày 29 - 7 - 2024
V/v tranh hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Kim H, sinh năm 1962 – Chủ Hộ kinh doanh Thành Ân 2; địa chỉ cư trú: K 2, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Lê Minh T; địa chỉ cư trú: Ấp TĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Kiều O; địa chỉ cư trú: Ấp TĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trịnh Kim H trình bày: Vào khoảng năm 2019, vợ chồng ông T, bà O đến cửa hàng vật liệu xây dựng Thành Ân 2 để hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng (thỏa thuận miệng) xây dựng cây xăng như: Cát, đá, xi măng Khi đó thỏa thuận, khi nào bên bà cho người giao hàng thì bên ông T, bà O thanh toán tiền. Tuy nhiên, do chỗ quen biết nên có khi giao hàng nhưng ông T, bà O không trả tiền. Tính đến ngày 29/11/2022, ông T, bà O còn nợ bà 155.000.000đ. Sau đó, vợ chồng ông T trả được 90.000.000đ, còn nợ lại 65.000.000đ. Nay bà yêu cầu ông T và bà O trả số tiền 65.000.000đ.

Đối với ông Lê Minh T, bà Nguyễn Kiều O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông bà không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trịnh Kim H – Chủ Hộ kinh doanh Thành Ân 2 khởi kiện ông Lê Minh T, bà Nguyễn Kiều O là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T, bà O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông T, bà O.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Trịnh Kim H – Chủ Hộ kinh doanh Thành Ân 2 có bán vật liệu xây dựng như: Cát, đá, xi măng ... cho ông T, bà O là thực tế có xảy ra. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ bà H có cung cấp sổ theo dõi mua bán, có xác nhận nợ của ông T.

Xét sổ theo dõi mua bán, Hội đồng xét xử thấy rằng: Số nợ mà ông T, bà O còn nợ bà Hương là 65.000.000đ. Sau khi xác nhận công nợ, ông T, bà O không thực hiện việc thanh toán nợ cho bà H. Như vậy, số tiền nợ của ông T và bà O còn nợ bà H là 65.000.000đ.

[4] Đối với ông T, bà O: Mặc dù ông bà biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà H, nhưng ông bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản bác yêu cầu của bà H và cũng không phản đối số tiền nợ, như vậy sự việc này thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về án phí dân sự: Ông T và bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Kim H – Chủ Hộ kinh doanh Thành Ân 2.

1. Buộc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Kiều O phải có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Kim – Chủ Hộ kinh doanh Thành Ân 2 số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Bà Trịnh Kim H – Chủ Hộ kinh doanh Thành Ân 2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà H 1.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001350 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.250.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh